TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09 /7/2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Lê Văn Tám;

2/- Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.*

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Ông Lê Minh C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ông C và bà U vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh C trình bày: ông và bà Nguyễn Thị U là vợ chồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016 do UBND xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/3/2016. Từ đầu năm 2019 đến nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông và bà U đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không hòa giải hàn gắn được nên ông Lê Minh C yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị U.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị U không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

*Tại phiên phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Lê Minh C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị U vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Lê Minh C là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C

Bà Nguyễn Thị U là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà U.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa ông Lê Minh C và bà Nguyễn Thị U chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, ông Lê Minh C xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị U là trầm trọng không hòa giải hàn gắn được do có nhiều xung đột, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà U.

Bà Nguyễn Thị U không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của ông C, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa chứng tỏ bà không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với ông C nên Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của ông C về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C và bà U là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông C được ly hôn với bà U là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung:

Ông C xác định giữa ông và bà Nguyễn Thị U không có con chung.

Bà U không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử xác định giữa ông C và bà U không có con chung. Như ông C trình bày.

[4]. Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Ông C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:**

1. Chấp nhận cho ông Lê Minh C được ly hôn với bà Nguyễn Thị U.

2. Về án phí:

Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0429 ngày 10/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên ông C không phải nộp tiếp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông C và bà U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Tiền Giang;
-VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự: C, U;
- UBND xã Mỹ Hạnh Trung, TX.Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hồ Thị Ánh Tuyết